

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HSST
Ngày: 13/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tô Huy Bân và ông Tạ Xuân Xế.

Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS, ngày 06 tháng 3 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Dương Thọ T, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Thọ Tr và bà Nguyễn Thị Kh; Vợ: Nguyễn Thị H; Con: Có 02 con;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/6/2010 bị TAND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 05 triệu đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 29/2010/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 27/9/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo Lĩnh”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Cao M, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Cao Q và bà Nguyễn Thị S; Vợ: Đào Thị V; Con: Có 03 con;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình H, sinh năm 1997;

Nơi cư trú: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Ngh và bà Nguyễn Thị M; Vợ: Lò Thị V; Con: Có 01 con;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Văn Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Trung, xã Dũng Liệt, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

3. Anh Đặng Trọng B, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

4. Anh Nguyễn Đình Th, sinh năm 1976. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

5. Anh Nguyễn Cao T, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị Lợi, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

6. Anh Nguyễn Cao Th, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

7. Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1964. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

8. Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1984. Vắng mặt.

HKTT: Số 46 đường Bà Triệu, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

9. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

10. Anh Nguyễn Cao Ch, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

11. Anh Nguyễn Khắc H, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

12. Anh Nguyễn Đình L, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

13. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1995. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

14. Anh Nguyễn Khắc L, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2016, Dương Thọ T mở cửa hàng “Dịch vụ tài chính T Dũng” tại thôn Lạc Nhuế, xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong để cho khách hàng vay tín chấp với lãi suất cao. Từ tháng 01/2017, Nguyễn Cao M cho người khác vay tín chấp với lãi suất cao. Từ tháng 8/2017, khi khách hàng cần vay tiền mà Dương Thọ T không có đủ, T rủ M góp vốn cùng T để cho khách hàng vay và ngược lại, khi có người cần vay tiền của M mà M không có đủ tiền, M sẽ báo với T để cùng cho vay, T và M mỗi người góp một nửa tiền gốc cho khách hàng vay, lợi nhuận thu được T và M chia đều. Lãi suất T và M cho khách vay dao động từ 3.000đồng/1.000.000 đồng/ngày đến 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 109,5%/năm đến 182,5%/năm). Tháng 12/2017, T thuê Nguyễn Đình H quản lý sổ sách và thu lãi những khoản vay giúp T và cả những khoản tiền T và M cùng góp vốn để cho vay. Ba tháng đầu T trả cho H 3.500.000 đồng tiền lương, sau đó tăng lên 4.000.000 đồng. Đến cuối tháng 12/2018, T đóng cửa hàng “Dịch vụ tài chính T Dũng” và cho H nghỉ việc, từ đó khách hàng vay tiền, đóng lãi, trả tiền gốc trực tiếp cho T và M. Mỗi khi có khách hàng đến vay tiền, T và M trực tiếp trao đổi với khách hàng về số tiền, hình thức vay, lãi suất, cách thức trả lãi, cách thức thanh toán. Sau khi hai bên thống nhất, T và H viết vào 03 quyển sổ ghi chép trong đó 02 quyển vở ghi thông tin về ngày vay, số tiền vay đối với khách vay của T hoặc M, 01 quyển vở ghi số tiền lãi khách đã đóng.

Vật chứng thu giữ tại nhà của Dương Thọ T:

- 01 (một) quyển vở kẻ ngang, bìa màu H có chữ “TWICE KPOP girlsband” đánh máy, có chữ “khách vay, mới T11” viết tay.

- 01 (một) quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “EXO-KPOP boyband” đánh máy, có chữ “khách vay” viết tay.

- 01 (một) quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “BTS KPOP boyband” đánh máy, có chữ “sổ ghi lãi” viết tay (BL: 110-111).

- Thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen có imei 353813086205043 lắp sim số 0971333566 ốp ngoài màu đen, 01 điện thoại di động iphone 8 plus màu đen có imei 356774083135624, lắp sim số 0971122566 ốp nhựa trong suốt.

- Thu giữ của Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động iphone X màu đen có số imei 353044092452904, lắp sim số 0967574856.

- Thu giữ của Nguyễn Cao M 01 điện thoại di động iphone X, màu trắng có số imei 353047093179897.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Phong đã T hành kiểm tra các điện thoại thu giữ của Dương Thọ T, Nguyễn Đình H và Nguyễn Cao M. Quá

trình kiểm tra tại mục ảnh, điện thoại, tin nhắn, facebook, messenger, zalo, ghi chú của các điện thoại iphone X màu trắng của Nguyễn Cao M, iphone X màu đen của Nguyễn Đình H, iphone 8plus màu đen của Dương Thọ T không phát hiện nội dung gì liên quan đến hoạt động cho vay nặng lãi. Kiểm tra chiếc điện thoại di động iphone 7 plus màu đen của Dương Thọ T tại mục điện thoại, tin nhắn, facebook, messenger, zalo không phát hiện nội dung gì liên quan đến hoạt động cho vay nặng lãi. Kiểm tra tại mục Ghi chú của chiếc điện thoại này phát hiện 01 ghi chú sửa đổi lần cuối hồi 07 giờ 20 phút ngày 09/8/2019 ghi nội dung “Viet ha $5/9=40.trieu/$ Khuong thuc $28/5 = 5.trieu/$ ”.

Căn cứ vào tài liệu thu thập được trong hồ sơ đến nay làm rõ, trong khoảng thời gian từ tháng đầu năm 2018 đến ngày 06/6/2019, Dương Thọ T, Nguyễn Cao M và Nguyễn Đình H đã cho 14 lượt người vay. Cụ thể:

Những người Dương Thọ T và Nguyễn Cao M cùng Ch vốn cho vay, trong đó Nguyễn Đình H giúp sức cho T và M quản lý, thu tiền lãi đến tháng 12/2018 gồm:

1. Anh Dương Văn Đ: Ngày 25/11/2018 (tức ngày 19/10/2018 âm lịch) anh Đ vay của T và M số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Tháng 11/2018 anh Đ đã trả 4.500.000 đồng tiền lãi cho T và M. Đến ngày 24/01/2019 (19/12/2018 âm lịch) anh tiếp tục vay của T và M số tiền 50.000.000 đồng vẫn với lãi suất như trên và trả 4.500.000 đồng tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng anh Đ vay trước đó. Đến ngày 25/03/2019 anh Đ đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi là 18.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh Đ phải trả cho T và M là 27.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp (sau đây gọi tắt là lãi hợp pháp) mà T và M được hưởng là 4.931.507 đồng, tiền lãi bất chính thu là 22.068.493 đồng. Trong đó, tiền lãi mà anh Đ đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 4.500.000 đồng, tiền lợi bất chính mà T, M, H thu là 3.678.082 đồng.

2. Anh Nguyễn Đình T: Ngày 20/9/2018 (tức ngày 11/8/2018 âm lịch) anh T vay của T, M số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm (0,5%/ngày). Đến ngày 17/12/2018 dương lịch (tức ngày 11/11/2018 âm lịch) anh T trả cho T, M số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi là 4.500.000 đồng. Ngày 08/3/2019 dương lịch (tức ngày 03/02/2019 âm lịch) anh T tiếp tục vay của T, M số tiền 10.000.000 đồng vẫn với lãi suất 182,5%/năm (0,5%/ngày). Ngày 23/3/2019 anh T đã trả cho T, M số tiền lãi 750.000 đồng. Đến nay, anh T chưa thanh toán khoản vay trên. Tổng số tiền lãi anh T trả cho T, M là 5.250.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T, M được hưởng là 575.343 đồng, tiền lãi bất chính thu là 4.674.657 đồng. Trong đó tiền lãi anh T đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 4.500.000 đồng, tiền lãi bất chính T, M, H thu là 4.006.849 đồng.

3. Anh Đặng Trọng B: Ngày 10/11/2017 (tức ngày 22/9/2017 âm lịch) anh B vay của T, M số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Đến ngày 27/3/2019 dương lịch (tức ngày 22/02/2019 âm lịch) anh B trả cho T, M số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi anh B đã trả cho T, M là 20.400.000 đồng, trong đó tiền lãi từ năm 2018 đến ngày 27/3/2019 là 16.800.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T, M được hưởng là 2.794.521 đồng, tiền lãi bất chính thu là 14.005.479 đồng. Tiền lãi anh B đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 14.400.000 đồng, tiền lãi bất chính T, M, H thu là 12.400.000 đồng.

4. Anh Nguyễn Đình Th: Ngày 11/10/2018 (tức ngày 03/9/2018 âm lịch) anh Th vay của T, M số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Ngày 22/11/2018 dương lịch (tức ngày 16/10/2018 âm lịch) anh Th vay tiếp của T số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất như trên và trả tiền lãi là 800.000 đồng. Ngày 16/12/2018 anh Th tiếp tục vay của T, M số tiền 20.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên. Đến ngày 21/03/2019 (tức ngày 16/02/2019 âm lịch) anh Th trả cho T, M tiền gốc là 23.000.000 đồng và tổng số tiền lãi là 10.000.000 đồng, anh Th xin T, M 200.000 đồng tiền lãi. Lãi hợp pháp mà T, M được hưởng là 1.424.657 đồng, tiền lãi bất chính thu là 8.575.343 đồng. Trong đó tiền lãi anh Th đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 2.000.000 đồng, tiền lãi bất chính T, M, H thu là 1.726.027 đồng.

Những người Dương Thọ T cho vay gồm:

1. Anh Nguyễn Cao T và chị Nguyễn Thị L: Ngày 07/4/2019 (tức ngày 03/3/2019 âm lịch) anh Tình vay của T, M số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày tương đương mức lãi suất 182,5%/năm (0,5%/ngày). Tháng 12/2018 anh T có vay của T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 13/6/2019 (tức ngày 11/5/2019) chị L trả cho T số tiền gốc là 270.000.000 đồng. Tổng tiền lãi chị L, anh T trả cho T là 85.000.000 đồng. T bớt cho chị L, anh T 14.000.000 đồng tiền lãi. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 11.287.671 đồng, tiền lãi bất chính thu là 73.712.329 đồng.

2. Anh Nguyễn Cao Th: Ngày 21/11/2018 (tức ngày 15/10/2018 âm lịch) anh Th vay của T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Đến ngày 07/01/2019 dương lịch (tức ngày 02/12/2018 âm lịch) anh Th tiếp tục vay của T số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất như trên. Ngày 20/01/2019 (tức ngày 15/12/2018 âm lịch) anh Th đã trả cho T số tiền gốc 30.000.000 đồng. Tổng tiền lãi anh Th trả cho T là 3.900.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 712.329 đồng, tiền lãi bất chính thu là 3.187.671 đồng. Trong đó tiền lãi

anh Th đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 3.600.000 đồng, tiền lãi bất chính T, H thu là 2.942.466 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị Kh vay của T 05 lần cụ thể: Ngày 20/8/2018 (tức ngày 10/7/2018 âm lịch) vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 25/9/2018 (tức ngày 16/8/2018 âm lịch) vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 20/11/2018 (tức ngày 14/10/2018 âm lịch) vay số tiền 5.000.000 đồng, ngày 05/12/2018 (tức ngày 29/10/2018) vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 30/6/2019 (tức ngày 28/5/2019 âm lịch) vay số tiền 5.000.000 đồng. Các lần vay đều với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Đối với khoản vay ngày 20/8/2018 chị Kh đã trả tiền gốc vào ngày 20/12/2018 (tức ngày 14/11/2018 âm lịch). Các khoản vay ngày 25/9/2018, 20/11/2018 và 05/12/2018 chị Kh đã trả tiền gốc vào ngày 20/01/2019 (tức ngày 15/12/2018 âm lịch). Đối với khoản vay ngày 30/6/2019 chị Kh chưa trả T tiền gốc. Tổng số tiền lãi chị Kh đã trả cho T là 11.100.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 1.520.548 đồng, tiền lãi bất chính thu là 9.579.452 đồng. Trong đó tiền lãi chị Kh đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 7.200.000 đồng, tiền lãi bất chính T, H thu là 6.213.699 đồng.

4. Anh Nguyễn Đình V vay của T 03 lần cụ thể: Ngày 10/8/2018 (tức ngày 29/6/2018 âm lịch) vay số tiền 15.000.000 đồng, ngày 14/8/2018 (tức ngày 04/7/2018 âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, ngày 13/10/2018 (tức ngày 05/9/2018 âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng. Các lần vay đều với lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Đối với các khoản vay ngày 10/8/2018 và 14/8/2018 anh V đã trả tiền gốc vào ngày 10/01/2019 (tức ngày 05/12/2018 âm lịch). Đối với khoản vay ngày 13/10/2018 anh V chưa trả T tiền gốc. Tổng số tiền lãi anh V đã trả cho T là 51.750.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 9.378.082 đồng, tiền lãi bất chính thu là 42.371.918 đồng. Trong đó tiền lãi anh V đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 19.800.000 đồng, tiền lãi bất chính T, H thu là 16.169.863 đồng.

5. Anh Nguyễn Văn Th: Ngày 17/8/2018 (tức ngày 07/7/2018 âm lịch) anh Th vay của T số tiền 25.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Ngày 20/01/2019 (tức ngày 15/12/2018 âm lịch) anh Th đã trả cho T tiền gốc trên. Tổng số tiền lãi anh Th đã trả cho T là 15.000.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 2.054.795 đồng, tiền lãi bất chính thu là 12.945.205 đồng. Trong đó tiền lãi anh V đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 12.000.000 đồng, tiền lãi bất chính T, H thu là 10.356.164 đồng.

6. Anh Nguyễn Cao Ch: Ngày 29/4/2018 (tức ngày 14/3/2018 âm lịch) anh Ch vay của T số tiền 5.000.000 đồng, với lãi suất 5000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương

mức lãi suất 182,5%/năm (0,5%/ngày). Ngày 14/02/2019 (tức ngày 10/01/2019) anh Ch đã trả cho T số tiền gốc nêu trên. Tổng số tiền lãi anh Ch đã trả cho T là 7.250.000 đồng. Lãi hợp pháp mà T được hưởng là 821.918 đồng, tiền lãi bất chính thu là 6.428.082 đồng. Trong đó tiền lãi anh Ch đã đóng cho H trong thời gian H làm thuê cho T là 6.000.000 đồng, tiền lãi bất chính T, H thu là 5.342.466 đồng.

Những người Nguyễn Cao M cho vay gồm:

1. Anh Nguyễn Khắc H: Ngày 25/10/2018 (tức ngày 17/9/2018 âm lịch) anh H vay của M số tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Đến nay anh H chưa trả cho M số tiền gốc nêu trên. Tổng số tiền lãi anh H đã trả cho M 1.200.000 đồng. Lãi hợp pháp mà M được hưởng là 164.384 đồng, tiền lãi bất chính thu là 1.035.616 đồng.

2. Anh Nguyễn Đình L: Ngày 30/01/2019 (tức ngày 25/12/2018 âm lịch) anh L vay của M số tiền 30.000.000 đồng, với lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Đến nay anh L chưa trả cho M số tiền gốc nêu trên. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho M 2.400.000 đồng. Lãi hợp pháp mà M được hưởng là 493.151 đồng, tiền lãi bất chính thu là 1.906.849 đồng.

3. Anh Nguyễn Văn H vay của M 02 lần cụ thể: Ngày 21/01/2019 (tức ngày 16/12/2018 âm lịch) vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 02/03/2019 (tức ngày 26/01/2019 âm lịch) vay số tiền 10.000.000 đồng đều với lãi suất 4000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 146%/năm (0,4%/ngày). Đến nay anh H đã trả cho M số tiền gốc nêu trên. Tổng số tiền lãi anh H đã trả cho M 7.200.000 đồng. Lãi hợp pháp mà M được hưởng là 1.150.685 đồng, tiền lãi bất chính thu là 6.049.315 đồng.

4. Anh Nguyễn Khắc L vay của M 02 lần cụ thể: Ngày 17/8/2018 (tức ngày 07/7/2018 âm lịch) anh L vay của M số tiền 5.000.000 đồng, ngày 27/12/2018 (tức ngày 21/11/2018 âm lịch), với lãi suất 3000 đồng/01 triệu/01 ngày tương đương mức lãi suất 109,5%/năm (0,3%/ngày). Đến nay anh L chưa trả cho M số tiền gốc nêu trên. Anh L đóng lãi đến tháng 15/3/2019 thì không đóng nữa. Tổng số tiền lãi anh L đã trả cho M 4.500.000 đồng. Lãi hợp pháp mà M được hưởng là 821.917 đồng, tiền lãi bất chính thu là 3.681.083 đồng.

Với nội dung trên tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSYP ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong đã truy tố Dương Thọ T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 BLHS; Nguyễn Cao M và Nguyễn Đình H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Dương Thọ T khai nhận khoảng tháng 11/2016 bị cáo mở cơ sở dịch vụ tài chính T Dững mô hình cho vay tiền và cầm đồ với lãi suất từ 1.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Người vay thường là người cùng thôn hoặc

có quen biết. Lãi có thể trả 10 ngày, 15 ngày hoặc 1 tháng 1 lần tùy theo thỏa thuận của hai bên. Sau khi cho vay, T đều ghi vào 1 quyển sổ của T để theo dõi. Từ tháng 8/2017, khi khách hàng cần vay tiền mà T không có đủ, T rủ Nguyễn Cao M góp vốn cùng T để cho khách hàng vay và ngược lại, khi có người cần vay tiền của M mà M không có đủ tiền, M sẽ báo với T để cùng cho vay, T và M mỗi người góp một nửa tiền gốc cho khách hàng vay, lợi nhuận thu được T và M chia đều. Từ tháng 12/2017 đến tháng 12/2018, T nhận Nguyễn Đình H vào làm nhân viên, H có nhiệm vụ quản lý sổ sách người vay tiền, người đóng lãi và trực tiếp thu lãi nếu người vay không đến trả cho T và M. Tháng 12/2018, T cũng đóng cửa cơ sở T Dũng, nếu người nào cần vay tiền thì liên hệ trực tiếp với T hoặc M, T và M sẽ xuất tiền cho vay và tự đi thu tiền lãi. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 27/3/2019 bị cáo cho 14 người vay tiền với mức lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, việc vay mượn được ghi vào sổ sách theo dõi về thông tin người vay, lãi suất, thời hạn vay, thời hạn trả nợ. Trong số những người vay, có người đã thanh toán số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, còn nhiều người hiện chưa trả gốc cho bị cáo. Đối với anh Nguyễn Đình Th đã trả cho các bị cáo toàn bộ tiền gốc là 30.000.000 đồng. Bị cáo thừa nhận Cáo trạng của VKS truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng” là đúng.

Bị cáo Nguyễn Cao M công nhận lời khai của T là đúng và khai nhận từ tháng 8/2017, T rủ M góp vốn cùng T để cho khách hàng vay, khi khách hàng cần vay tiền mà T không có đủ thì M cùng cho vay và ngược lại, khi có người cần vay tiền của M mà M không có đủ tiền, M sẽ báo với T để cùng cho vay, T và M mỗi người góp một nửa tiền gốc cho khách hàng vay, lợi nhuận thu được T và M chia đều. Tháng 12/2018, T đóng cửa cơ sở tài chính T Dũng, nếu người nào cần vay tiền thì liên hệ trực tiếp với T hoặc M, T và M sẽ xuất tiền cho vay và tự đi thu tiền lãi. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của VKS truy tố các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng.

Bị cáo Nguyễn Đình H khai nhận lời khai của T, M là đúng, H được T thuê làm giúp việc tại cơ sở tài chính T Dũng từ tháng 12/2017. Bị cáo có nhiệm vụ quản lý sổ sách người vay tiền, người đóng lãi và trực tiếp thu lãi nếu người vay không đến trả cho T và M. Ba tháng đầu T trả cho H 3.500.000 đồng tiền lương, sau đó tăng lên 4.000.000 đồng. Tháng 12/2018, T đóng cửa cơ sở T Dũng nên bị cáo cũng nghỉ việc. Bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của VKS truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng. Tại phiên tòa T không đề nghị H pH liên đới trả số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã kết luận về vụ án và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX.

Tuyên bố các bị cáo Dương Thọ T, Nguyễn Cao M, Nguyễn Đình H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Dương Thọ T từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt

thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 27/9/2019.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Cao M từ 14 tháng đến 16 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019)

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Đình H từ 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019)

Phạt tiền mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Trả lại Dương Thọ T 01 điện thoại di động iphone 8 plus màu đen có imei 356774083135624, lắp sim số 0971122566 ốp nhựa trong suốt; Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động iphone X màu đen có số imei 353044092452904, lắp sim số 0967574856, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại iphone 7 plus màu đen có imei 353813086205043 lắp sim số 0971333566 ốp ngoài màu đen của Dương Thọ T và của Nguyễn Cao M 01 điện thoại di động iphone X, màu trắng có số imei 353047093179897

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển vở kẻ ngang, bìa màu H có chữ “TWICE KPOP girlsband” đánh máy, có chữ “khách vay, mới T11” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “EXO-KPOP boyband” đánh máy, có chữ “khách vay” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “BTS KPOP boyband” đánh máy, có chữ “sổ ghi lỗi” viết tay.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Dương Thọ T tổng số tiền là 500.638.000 đồng. Trong đó: số tiền gốc mà một số người đã thanh toán cho bị cáo T là 470.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 30.638.000 đồng.

Buộc bị cáo T pH trả cho chị Nguyễn Thị Lợi và anh Nguyễn Cao Tình số tiền 65.685.000 đồng.

Xác nhận bị cáo T đã nộp 10.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0007127 ngày 16/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Cao M số tiền 102.493.000 đồng. Trong đó tiền gốc mà một số người vay đã thanh toán cho M là 95.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 7.493.000 đồng.

Buộc bị cáo M pH trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền lãi thu lời bất chính vượt quá 20%/năm là 6.049.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc là 105.000.000 đồng của người vay chưa trả cho các bị cáo để sung ngân sách nhà nước cụ thể: Nguyễn Đình T 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kh 5.000.000 đồng; Nguyễn Đình Việt 40.000.000 đồng; Nguyễn Khắc H 10.000.000 đồng; Nguyễn Đình Lợi 30.000.000 đồng; Nguyễn Khắc L 10.000.000 đồng.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến gì với phần kết luận và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Yên Phong, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng trên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng bọn. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với không gian, thời gian, biên bản kiểm tra, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được công khai và tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Dương Thọ T, Nguyễn Cao M và Nguyễn Đình H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm được quy định tại Điều 201 BLHS, bị cáo T bị truy tố theo khoản 2 Điều 201 BLHS, các bị cáo M và H theo khoản 1 Điều 201 BLHS đúng như bản cáo trạng của VKS đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế về lĩnh vực tài chính, tiền tệ của Nhà nước được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều có đủ nhận thức để biết được mức lãi suất giới hạn được quy định tại Điều 468 BLDS khi thực hiện các giao dịch dân sự nhưng vì háms lợi và muốn kiếm tiền một cách bất hợp pháp các bị cáo đã mở cơ sở tài chính T Dững để thực hiện nhiều hoạt động tín dụng đen. Các bị cáo lợi dụng sự thiếu hiểu biết và hoàn cảnh khó khăn của người dân để cho vay với mức lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1 triệu/ngày (từ 109.5%/năm đến 182.5%/năm; Gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 BLDS). Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2018 đến ngày 27/3/2019 các bị cáo đã cho 14 người vay với tổng số tiền là 670.000.000 đồng. Số tiền bị cáo T thu lời bất chính là 197.748.629 đồng, đây là tình tiết định khung được quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Số tiền bị cáo M thu lợi bất chính là 62.196.835 đồng; số tiền bị cáo H giúp sức cho bị cáo T và bị cáo M thu lợi bất chính là 62.835.616 đồng; đây là tình tiết định khung được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS. Bản cáo trạng của VKS truy tố bị cáo Dương Thọ T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 BLHS và truy tố các bị cáo Nguyễn Cao M, Nguyễn Đình H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội

của các bị cáo chẳng những gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều gia đình khi có con em, người thân trót dính vào tệ nạn tín dụng đen khi mà điều kiện kinh tế vốn rất khó khăn. Xét thấy cần xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa Ch.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó Dương Thọ T là tên giữ vai trò chính, T là chủ sơ sở tài chính T Dũng, bỏ vốn, thuê người, mua sắm công cụ để phục vụ cho việc phạm tội và là người được hưởng lợi từ số tiền thu lời bất chính nhiều nhất do vậy mức hình phạt đối với T pH cao hơn so với các bị cáo khác. Nguyễn Cao M giữ vai trò thứ hai, M cùng góp vốn với T để cho vay, sau khi cơ sở tài chính T Dũng đóng cửa, M cũng là người trực tiếp đi giao dịch và thu hồi vốn, lãi đối với người vay. Đối với Nguyễn Đình H là người trực tiếp giúp sức cho T, M trong việc cho vay lãi nặng do vậy mức hình phạt đối với H là thấp hơn so với T, M.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của các bị cáo HĐXX nhận thấy: Các bị cáo đều xuất thân từ nhân dân lao động, các bị cáo M và H có nhân thân tốt, còn bị cáo T có nhân thân xấu. Ngày 25/6/2010, T bị Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 05 triệu đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 29/2010/HSST (Bị cáo đã chấp hành xong Bản án). Các bị cáo đều có đủ nhận thức để biết được mọi hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi các bị cáo đã thực hiện nhiều hoạt động tín dụng đen. Để che dấu hành vi phạm tội của mình các bị cáo đưa ra nhiều hình thức cho vay với thủ tục đơn giản. Khi người vay có nhu cầu vay tiền chấp nhận mức lãi suất do các bị cáo quy định từ 3.000đ đến 5.000đ/1 triệu/ngày (từ 109.5%/năm đến 182.5%/năm; Gấp từ 5,475 lần đến 9,125 lần mức lãi suất giới hạn quy định tại Điều 468 BLDS) không cần thế chấp gì là sẽ được đáp ứng.

Xét thấy cần có một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo; cần cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo M, H khỏi xã hội mà cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Bị cáo M và H không có công việc và thu nhập ổn định HĐXX xét thấy cần miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng cho các bị cáo. theo khoản 3 Điều 36 BLHS.

Song khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt vì xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo T đã tự nguyện nộp số tiền 10.200.000 đồng để khắc phục hậu quả, lại có thời gian phục vụ trong quân ngũ, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo M, H phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm M của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong vụ án có 14 người đã vay tiền của T và M nhưng vì nhiều lý do vắng mặt tại phiên tòa. Song căn cứ vào lời khai của họ tại Cơ quan điều tra thấy là phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Số tiền lãi các bị cáo thu lời bất chính của 14 người vay tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 02/4/2019 là 210.418.000 đồng. Xét thấy đây là số tiền các bị cáo thu lời bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo T và bị cáo M pH hoàn trả lại cho người vay số tiền trên. Tuy nhiên, chỉ có chị Nguyễn Thị Lợi, anh Nguyễn Cao Tình và anh Nguyễn Văn H có yêu cầu các bị cáo trả lại, những người khác còn lại đều không yêu cầu các bị cáo pH trả nên không xem xét. Cụ thể:

Buộc bị cáo Dương Thọ T pH hoàn trả số tiền thu lời bất chính cho Nguyễn Cao Tình và Nguyễn Thị Lợi là 65.684.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Cao M pH hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H là 6.049.000 đồng;

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Dương Thọ T tổng số tiền là 500.638.000 đồng. Trong đó: số tiền gốc mà một số người đã thanh toán cho bị cáo T là 470.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 30.638.000 đồng.

Xác nhận bị cáo T đã nộp 10.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0007127 ngày 16/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Cao M số tiền 102.493.000 đồng. Trong đó tiền gốc mà một số người vay đã thanh toán cho M là 95.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 7.493.000 đồng.

Truy thu số tiền gốc là 105.000.000 đồng của người vay chưa trả cho các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước cụ thể: Nguyễn Đình T 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kh 5.000.000 đồng; Nguyễn Đình Việt 40.000.000 đồng; Nguyễn Khắc H 10.000.000 đồng; Nguyễn Đình Lợi 30.000.000 đồng; Nguyễn Khắc L 10.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng :

Trả lại Dương Thọ T 01 điện thoại di động iphone 8 plus màu đen có imei 356774083135624, lắp sim số 0971122566 ốp nhựa trong suốt; Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động iphone X màu đen có số imei 353044092452904, lắp sim số 0967574856, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại iphone 7 plus màu đen có imei 353813086205043 lắp sim số 0971333566 ốp ngoài màu đen của Dương Thọ T và của Nguyễn Cao M 01 điện thoại di động iphone X, màu trắng có số imei 353047093179897.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển vở kẻ ngang, bìa màu H có chữ “TWICE KPOP girlsband” đánh máy, có chữ “khách vay, mới T11” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “EXO-KPOP boyband” đánh máy, có chữ “khách vay” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “BTS KPOP boyband” đánh máy, có chữ “sổ ghi lãi” viết tay.

Các bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát.

Đối với một số người đã vay tiền cùng các giấy tờ vay trong vở ghi chép của Dương Thọ T và Nguyễn Đình H, quá trình điều tra các bị cáo không nhớ cụ thể tên

tuổi địa chỉ của những người đã vay này, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo pH chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Thọ T, Nguyễn Cao M, Nguyễn Đình H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt Dương Thọ T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2019 đến ngày 27/9/2019, phạt tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Cao M 14 (Mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019); phạt tiền 30.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1,3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 BLHS xử phạt Nguyễn Đình H 12(Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ (được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 15/8/2019 đến ngày 24/8/2019); phạt tiền 30.000.000 đồng.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Thụy Hòa, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục Nguyễn Cao M và Nguyễn Đình H trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Các biện pháp tư pháp khác:

2.1. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Dương Thọ T tổng số tiền là 500.638.000 đồng. Trong đó: số tiền gốc mà một số người đã thanh toán cho bị cáo T là 470.000.000 đồng và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 30.638.000 đồng. Xác nhận bị cáo T đã nộp 10.200.000 đồng theo Biên lai thu số 0007127 ngày 16/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong. Bị cáo còn pH nộp số tiền là 490.438.000 đồng (Bốn trăm chín mươi triệu bốn trăm ba tám ngàn đồng).

Buộc bị cáo T pH trả cho chị Nguyễn Thị Lợi và anh Nguyễn Cao Tình số tiền 65.684.000 đồng (Sáu mươi năm triệu sáu trăm tám tư ngàn đồng).

2.2. Truy thu sung vào ngân sách nhà nước của bị cáo Nguyễn Cao M số tiền 102.493.000 đồng (Một trăm linh hai triệu bốn trăm chín ba ngàn đồng). Trong đó tiền gốc mà một số người vay đã thanh toán cho M là 95.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm là 7.493.000 đồng.

Buộc bị cáo M pH trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền lãi thu lời bất chính vượt quá 20%/năm là 6.049.000 đồng (Sáu triệu không trăm bốn chín ngàn đồng).

2.3. Truy thu số tiền gốc của người vay chưa trả cho các bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước cụ thể:

Anh Nguyễn Đình T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị Kh 5.000.000 đồng(Năm triệu đồng).

Anh Nguyễn Đình V 40.000.000 đồng(Bốn mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Khắc H 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Anh Nguyễn Đình Lợi 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Anh Nguyễn Khắc L 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu L pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án nếu người pH thi hành án không tự giác thi hành thì còn pH chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Trả lại Dương Thọ T 01 điện thoại di động iphone 8 plus màu đen có imei 356774083135624, lắp sim số 0971122566 ốp nhựa trong suốt; Nguyễn Đình H 01 điện thoại di động iphone X màu đen có số imei 353044092452904, lắp sim số 0967574856, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại iphone 7 plus màu đen có imei 353813086205043 lắp sim số 0971333566 ốp ngoài màu đen của Dương Thọ T và của Nguyễn Cao M 01 điện thoại di động iphone X, màu trắng có số imei 353047093179897.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 quyển vở kẻ ngang, bìa màu H có chữ “TWICE KPOP girlsband” đánh máy, có chữ “khách vay, mới T11” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “EXO-KPOP boyband” đánh máy, có chữ “khách vay” viết tay; 01 quyển vở kẻ ngang bìa màu xanh có chữ “BTS KPOP boyband” đánh máy, có chữ “sổ ghi lãi” viết tay.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo pH chịu 200.000đồng án phí HSST;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc ngày niêm yết kết quả bản án.

Trường hợp phân trách nhiệm dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND h. Yên Phong.
- VKS tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND h. Yên Phong.
- VKS tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Văn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Huy Bân

Tạ Xuân Xế

Nguyễn Anh Văn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND h. Yên Phong.
- VKS tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Anh Văn

